

Bản án số: 02/2023/DS-PT

Ngày 09/01/2023

V/v Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền nợ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG LÊ BÌNH H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- T*Nguyễn Thị Hnh* phần *Hội đồng xét xử phúc thẩm* gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Giáp Bá Dự

Các Thẩm phán: Ông Lê Đình Nam

Bà Đinh Thị Như Phượng

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim Liên - Thư ký Tòa án của Tòa
án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai* tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Văn Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Toà án nhân dân tỉnh
Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2022/TLPT-DS
ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc *Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ*

Do Bản án dân sự sơ thẩm 17/2022/DS -ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của
Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 155/2022/QĐ-PT ngày
06 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số
129/2022/QĐ-PT ngày 21/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện
Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H: Bà
Hứa Thị Trung N; địa chỉ: 106 L, P. I, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, địa chỉ: Thôn M 2, xã I, huyện Đức Cơ,
tỉnh Gia Lai. Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim L: Ông Trịnh
Đăng H, địa chỉ: Số 40 đường L, P. D, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Bình H; địa chỉ: Thôn M, xã I, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.
(Vắng mặt)

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Kim L: Luật
sư Phạm Ngọc Q - Công ty Luật TNHH MTV Quang Phạm, địa chỉ: Số 40
đường L, P. D, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đồng Sỹ Duy T; địa chỉ:
Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

5. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Kim L, ông Lê Bình H có quan hệ quen biết, rồi từ đó có mối quan hệ làm ăn với nhau. Trong khoảng từ năm 2017 đến năm 2018, bà H có bán phân bón cho bà Nguyễn Thị Kim L, ông Lê Bình H và cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L, ông Lê Bình H mượn tiền để thu mua nông sản của người dân. Vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bình H có đặt vấn đề nhận phân bón của bà Nguyễn Thị H về bán cho người dân để hưởng hoa hồng, bà Nguyễn Thị H đồng ý. Nên ngày 22/4/2017 bà Nguyễn Thị H có lập 01 bản “Giấy hợp đồng làm ăn” trong đó có nêu rõ đại lý phân bón Ngân Nguyễn Thị H sẽ đồng ý giao cho vợ chồng Nguyễn Thị Kim L, Lê Bình H phân bón để bán cho người dân và được hưởng hoa hồng trên đầu tấn, đồng thời cũng thống nhất phương án thu hồi tiền phân bón theo từng loại cây công nghiệp, mức lãi suất cho từng khoản đầu tư chậm thu hồi nợ. Khi lên ký hợp đồng thì một mình bà Nguyễn Thị Kim L lên nhưng bà Nguyễn Thị Kim L gọi điện thoại cho ông Lê Bình H và đưa điện thoại cho ông Lê Bình H nói chuyện với bà Nguyễn Thị H. Sau khi ông Lê Bình H thống nhất thì bà Nguyễn Thị H mới đưa cho bà Nguyễn Thị Kim L ký. Việc giao nhận phân bón luôn có 02 vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bình H, thậm chí có lúc một mình ông Lê Bình H ra bốc và chở phân bón, nhưng ký đối chiếu công nợ thì chỉ một mình bà Nguyễn Thị Kim L ký, ngày 27/3/2017 bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bình H còn nhờ bà Nguyễn Thị H mượn giúp số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và hẹn bà Nguyễn Thị H đến hết tháng 10/2017 âm lịch năm 2017 (dương lịch là 27/11/2017) sẽ trả. Nhưng rồi 02 vợ chồng đều không chịu trả nên đến ngày 20/7/2018 sau khi đối chiếu và chốt công nợ, trong số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) nợ có cả khoản tiền 70.000.000 đồng này. Ngoài 600.000.000đ chốt công nợ ngày 20/7/2018 và còn có thêm khoản 36.000.000đ là khoản tiền bà Nguyễn Thị Kim L mượn bà Nguyễn Thị H các ngày 4/12, 5/12, 13/12/ 2017. Như vậy tổng số tiền gốc mà vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L nợ bà Nguyễn Thị H là 636.000.000đ, cùng khoản nợ lãi tạm tính là 120.000.000đ.

Kể từ ngày chốt nợ cho đến nay vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L, ông Lê Bình H không có thiện chí và trả nợ, mặc dù đã thu đủ tiền bán phân bón từ người dân, thậm chí đã cán giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị Kim L cho bà Nguyễn Thị H, sau đó lợi dụng là chỗ thân thiết nên thủ tục giấy tờ không làm chặt chẽ, quay ngược trở lại nói là nhờ bà Nguyễn Thị H đứng tên để vay hộ, gây ra cho bà Nguyễn Thị H rất nhiều rắc rối và phiền lụy. Bà Nguyễn Thị H còn phải trả lãi ngân Nguyễn Thị Hng từ thời điểm đó đến nay vì toàn bộ tiền làm ăn bà Nguyễn Thị H phải vay, mượn bên ngoài và ngân Nguyễn Thị Hng, vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L, ông Lê Bình H biết nhưng không có thiện chí mà còn chây ỳ không chịu trả nợ cho bà Nguyễn Thị H.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bình H trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 636.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi sáu triệu đồng); số tiền nợ lãi tạm tính là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Tổng số tiền bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L, ông Lê Bình H phải trả cho bà Nguyễn Thị H là 756.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về nguyên đơn: Ông Đồng Sỹ Duy T trình bày:**

Bà Nguyễn Thị H (là vợ tôi) có làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L, ông Lê Bình H phải trả số tiền nợ gốc là 636.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi sáu triệu đồng); số tiền nợ lãi tạm tính là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Tổng số tiền là 756.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng). Tôi đồng ý theo nội dung khởi kiện của vợ tôi Nguyễn Thị H.

***Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bình H:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, được Tòa án đã thông báo, triệu tập theo pháp luật tố tụng quy định, nhưng không tham gia tố tụng. Do đó Hồ sơ vụ án không có ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bình H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

***Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Trịnh Đăng H trình bày tại bản tự khai ghi ngày 31/7/2022 như sau:**

Về số tiền nợ gốc:

Nguyên đơn cho rằng vợ chồng bị đơn (bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bình H) nợ tổng cộng 636.000.000đ thể hiện tại 03 chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thì bị đơn có ý kiến sau:

Tính đến ngày 24/1/2018 bà Nguyễn Thị Kim L chỉ còn nợ bà Nguyễn Thị H 347.660.000đ, thể hiện bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Kim L đã đối chiếu công nợ, cùng ký xác nhận và được ghi lại bằng giấy vở học sinh có nội dung:

“Ngày 24-1-2018 – Tổng nợ chị Nguyễn Thị H củ mới 347.660.000

Ba trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm sáu chục ngàn”

Bà Nguyễn Thị Kim L thừa nhận số tiền nợ này, đây là chứng cứ có giá trị chứng minh về số tiền nợ, bản gốc tài liệu nêu trên bà Nguyễn Thị Kim L đang cất giữ sẽ giao nộp khi Tòa án thông báo.

-Về đánh giá chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì thấy rằng:

+Cả 02 chứng cứ đều phô tô từ sổ nợ của nguyên đơn; đều không có ngày tháng đối chiếu số tiền nợ (sau ngày 24/01/2018)

+Một giấy nợ ghi nội dung: “Tổng cộng 683.140.000” đề “ngày 20 tháng 7 năm 2018”, nhưng phần ghi “ngày 20 tháng 7 năm 2018” lại không phải chữ viết bị đơn, có thể do nguyên đơn viết vào thời điểm sau ngày 24/1/2018 để hợp thức hóa cho số tiền nợ của bị đơn

+Một giấy nợ “tổng 36.000.000” nhưng không có thời gian cụ thể hai bên chốt nợ, các ngày nợ 4/12, 5/12, 13/12/2017 tức trước ngày 24/01/2018, nên số nợ

này được bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Kim L chốt vào ngày 24-1-2018 - Tổng nợ chị Nguyễn Thị H cũ mới 347.660.000.

- Từ đầu tháng 6/2018 giữa bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Kim L đã phát sinh mâu thuẫn liên quan đến việc chuyển nhượng các thửa đất của bà H'Ngeho, bà Nguyễn Thị H đã khởi kiện “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu” đến TAND huyện Đức Cơ. Do vậy nguyên đơn cho rằng vào ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Kim L có xác nhận công nợ số tiền “tổng cộng 683.140.000” là không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

- Nguyên đơn cho rằng hai bên chốt nợ và bà Nguyễn Thị Kim L còn nợ bà Nguyễn Thị H, thế nhưng trong cả 02 chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì không có nội dung nào thể hiện là nợ “bà Nguyễn Thị H”, bà Nguyễn Thị H không hề ký tên trên giấy tờ nào, không giao cho bên nhận nợ giữ bản nào. Trong khi chứng cứ bị đơn cung cấp thể hiện nội dung rất rõ “Ngày 24-1-2018 – Tổng nợ chị Nguyễn Thị H cũ mới 347.660.000” có chữ ký của người nợ và chủ nợ.

- Các chứng cứ nguyên đơn cung cấp có nhiều nội dung về số tiền bị tẩy xóa hoặc viết thêm. Nội dung thể hiện việc mua bán phân nhưng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện về việc giao nhận phân hoặc người làm chứng có liên quan đến vụ việc.

Từ đó khẳng định tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp không có giá trị chứng minh, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ và không đúng pháp luật.

Về tiền lãi đối với số tiền chậm trả:

+ Bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền 347.660.000đ “Ba trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm sáu chục ngàn đồng”, nhưng hiện tại kinh tế đang khó khăn, nên đề nghị nguyên đơn không tính lãi chậm trả.

+ Nguyên đơn yêu cầu tính lãi số tiền 120.000.000đ, bị đơn không đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ trả nợ:

+ Số tiền bị đơn thừa nhận còn nợ 347.660.000đ “Ba trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm sáu chục ngàn đồng” là nghĩa vụ riêng của bà Nguyễn Thị Kim L; ông Lê Bình H không biết, không có quyền, nghĩa vụ liên quan đến số nợ này.

+ Bị đơn không đồng ý yêu cầu ông Lê Bình H phải liên đới trả nợ và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS -ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đã căn cứ:

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Các Điều 275, 288, 357, 430, 440, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bình H trả cho bà Nguyễn Thị H 753.052.000đ (Bảy trăm năm mươi ba triệu không trăm năm mươi hai ngàn đồng). Trong đó 600.000.000đ nợ gốc, 153.052.000đ tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu thi Nguyễn Thị H án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo toàn bộ nội dung bản án số 17/2022/DSST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ vì bản án không khách quan, không đúng quy định pháp luật và không đảm bảo quyền lợi cho bị đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến Nguyễn Thị H tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, tNguyễn Thị H phân Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều Nguyễn Thị H đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2022/DS -ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo như sau:

[1] *Về tố tụng :*

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bình H phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật dân sự để thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ” và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2].Xét nội dung kháng cáo bà Nguyễn Thị Kim L, thấy rằng:

Theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trịnh Đăng H thừa nhận ngày 20/7/2018 giữa bà Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị H đã đối chiếu công nợ thì bà Nguyễn Thị Kim L còn nợ bà Nguyễn Thị H 683.140.000đ, sau khi trừ số tiền phân bón bà Nguyễn Thị Kim L đã trả là 73.080.000đ, trừ tiền công xe bốc vác 10.060.000đ thì bà Nguyễn Thị Kim L còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền 600.000.000đ theo đúng như nội dung ghi trên Giấy kê ô ghi cộng tiền nợ 600.000.000, có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Thị H (Bút lục 115).

Sau khi chót nợ, vào thời gian bà Nguyễn Thị H bị gãy chân thì bà Nguyễn Thị Kim L đã trả cho bà Nguyễn Thị H 38.000.000đ thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản của con gái của bà Nguyễn Thị H, do đó hiện tại bà Nguyễn Thị Kim L chỉ còn nợ bà Nguyễn Thị H 562.000.000đ. Tuy nhiên do thời gian đã lâu, nên không có tài liệu chứng cứ để chứng minh việc bà Nguyễn Thị Kim L đã trả cho bà Nguyễn Thị H 38.000.000đ.

Do không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc bà Nguyễn Thị Kim L đã trả cho bà Nguyễn Thị H 38.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bình H phải chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 753.052.000đ (Trong đó 600.000.000đ nợ gốc, 153.052.000đ tiền lãi) là có cơ sở đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh có việc trả 38.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim L cho rằng ông Lê Bình H không có trách nhiệm liên đới trả nợ vì ông Lê Bình H và bà Nguyễn Thị Kim L không có quan hệ vợ chồng, bà Nguyễn Thị Kim L hiện tại sống độc thân, ông Lê Bình H chỉ là người bà Nguyễn Thị Kim L nhờ chở Nguyễn Thị Hng hóa giúp là không có cơ sở bởi lẽ, tại giấy hợp đồng làm ăn có ghi vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L ông Lê Bình H, bà Nguyễn Thị Kim L đã đọc và đồng ý ký tên, tại giấy vay mượn tiền cũng ghi hai vợ chồng cùng ký tên Nguyễn Thị Kim L Lê Bình H (bl 111-112) nên mặc dù bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bình H không có đăng ký kết hôn nhưng có sống chung với nhau và có một con chung là Lê Lê Bình H Hiệp là sự thật, việc mua bán phân bón, nhận Nguyễn Thị Hng và trả tiền ông Lê Bình H đều có tham gia, nên ông Lê Bình H phải chịu trách nhiệm liên đới.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS -ST ngày 9 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Căn cứ:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Các Điều 275, 288, 357, 430, 440, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, Xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bình H trả cho bà Nguyễn Thị H 753.052.000đ (Bảy trăm năm mươi ba triệu không trăm năm mươi hai ngàn đồng). Trong đó 600.000.000đ nợ gốc, 153.052.000đ tiền lãi.

1.3. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bình H phải chịu 34.122.080đ (Ba mươi tư triệu một trăm hai mươi hai ngàn không tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách NN Nguyễn Thị H nước.

1.4. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 16.400.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006589 ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi Nguyễn Thị Hnh án dân sự huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (đối với trường hợp Cơ quan thi Nguyễn Thị Hnh án có quyền chủ động ra quyết định thi Nguyễn Thị Hnh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Nguyễn Thị Hnh án của người được thi Nguyễn Thị Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Nguyễn Thị Hnh án) cho đến khi thi Nguyễn Thị Hnh xong, bên phải thi Nguyễn Thị Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Nguyễn Thị Hnh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi Nguyễn Thị Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Nguyễn Thị Hnh án dân sự thì người được thi Nguyễn Thị Hnh án dân sự, người phải thi Nguyễn Thị Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Nguyễn Thị Hnh án, quyền yêu cầu thi Nguyễn Thị Hnh án, tự nguyện thi Nguyễn Thị Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Nguyễn Thị Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Nguyễn Thị Hnh án dân sự; thời hiệu thi Nguyễn Thị Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Nguyễn Thị Hnh án dân sự.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006860 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi Nguyễn Thị Hnh án dân sự huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp đủ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Đức Cơ
- Chi cục THADS huyện Đức Cơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Giáp Bá Dự